TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THA HOÁ
Bản án số: 05/2019/HNGĐ
Ngày: 09/8/2019
V/v:Ly hôn, trA chấp
về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hà

Ông Lê Đoan A

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Đông Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:*** Ông Nguyễn Cao Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04 /2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lô Thị L; sinh năm: 1993; ĐKHKTT tại: xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú tại: phường Phú S, thành phố Thanh Hóa (có mặt).

2. Bị đơn: A Nguyễn Văn C; sinh năm: 1992; ĐKHKTT: xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2019 và trình bày của nguyên đơn chị Lô Thị L:

Về hôn nhân: Chị Lô Thị L và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/01/2014. Quá trinh chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh C hay bỏ nhà đi chơi có khi cả tháng không về, không chăm lo cho gia đình. Chị L và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng Anh C không thay đổi nên tháng 9 năm 2017 chị L đã ra ở trọ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C đã hoàn toàn tan vỡ, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn.

Về con: Chị Lô Thị L và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/3/2014. Vợ chồng ly hôn chị L xin được quyền nuôi con. Tại phiên tòa chị L xin rút yêu cầu buộc anh C phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản: Chị Lô Thị L và anh Nguyễn Văn C không có tài sản gì có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Lô Thị L và anh Nguyễn Văn C không nợ chung ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn C đến làm bản tự khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại gia đình và địa phương cho biết: anh C là lao động tự do, không có địa chỉ cố định, vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, anh C có biết việc chị L làm đơn xin ly hôn nhưng cố tình không hợp tác. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai thân thích của anh Nguyễn Văn C.

Theo ông Nguyễn Văn N (bố đẻ của anh C) cho biết: Vào khoảng năm 2014 gia đình ông N có tổ chức hôn lễ cho anh C và chị L. Việc kết hôn giữa anh C và chị L là do hai người tự tìm hiểu. Sau khi kết hôn ông N lo toàn bộ việc chi tiêu trong gia đình, anh C và chị L không phải đóng góp. Trong cuộc sống hai vợ chồng anh C và chị L mâu thuẫn do anh C nghiện chơi game dẫn đến nợ tiền, kinh tế khó khăn. Tuy vậy gia đình ông N lo toan việc trả nợ cho anh C chứ chị L không phải trả.

Vào khoảng đầu năm 2018 thì chị L tự ý thuê nhà xuống thành phố Thanh Hóa để ở. Việc chị L làm đơn xin ly hôn thì anh C có biết và cũng đồng ý ly hôn nhưng hiện tại anh C là lao động tự do đang đi làm ăn xa, không rõ địa chỉ. Tuy anh C vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng do điều kiện công việc nên anh C không thể có mặt để làm việc với Tòa án được.

Về con: Chị L và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/3/2014. Từ nhỏ đến nay cháu H vẫn ở cùng với gia đình ông N . Ý nguyện của gia đình ông N và anh C là mong muốn được nuôi cháu H nhưng nếu chị L có có nguyện vọng nuôi cháu H thì gia đình ông N và anh C cũng đồng ý.

Về tài sản và công nợ chung: Anh C và chị L không có gì.

Các văn bản của Tòa án tống đạt cho anh C, ông N xin nhận hộ để thông báo lại cho anh C, ông N cam kết giao tận tay cho anh C và sẽ động viên anh C về làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lô Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn C và xin được quyền nuôi con chung của vợ chồng. Bị đơn anh Nguyễn Văn C không có mặt.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà:

- Về tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

+ Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1,5 Điều 177; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; các Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS năm 2015; các Điều 51; 56; 57; 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn C đóng góp nuôi con chung của chị Lô Thị L.

+ Hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Lô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

+ Con chung: Đề nghị HĐXX xử cho chị L được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/3/2014, anh C không phải đóng góp nuôi con chung.

+ Án phí: Đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Lô Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Văn C là Tranh chấp về: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 3, xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn C đến làm bản tự khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại gia đình và địa phương cho biết: anh C là lao động tự do, không có địa chỉ cố định, vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, anh C có biết việc chị L làm đơn xin ly hôn nhưng cố tình không hợp tác, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt tất cả các văn bản tố tụng cho người thân thích của anh C là ông Nguyễn Văn N , đồng thời Tòa án cũng đã làm đầy đủ các thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng tại UBND xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 18/6/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh C vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Như vậy anh

Nguyễn Văn C cố tình lẩn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 177; Điều 179: điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án lần thứ hai vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Văn C.

[2]. Về nội dung vụ án:

** Về hôn nhân:*

Chị Lô Thị L và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày ngày 08 tháng 01 năm 2014. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh C nghiệm chơi game không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị L và gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng anh C không hề thay đổi. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đã thuê nhà ở riêng, anh C cũng có thái độ bỏ mặc, không có biện pháp bàn bạc để vợ chồng về đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân đã gần 03 năm. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn.

Xét nguyện vọng của chị L xin ly hôn A C là hoàn toàn chính đáng. Tuy đã có gia đình nhưng anh C không tu chí làm ăn. Khi mâu thuẫn vợ chồng không cùng nhau bàn bạc, chia sẻ tìm cách tháo gỡ mà lặng lẽ chia tay nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 không có trách nhiệm gì với nhau. Tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C đã hoàn toàn tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, gia đình anh C cho biết anh C cũng đồng ý ly hôn với chị L. Mặc dù biết chị L có đơn xin ly hôn nhưng anh C cũng không thiết tha, níu kéo, chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

** Về con:*

Chị Lô Thị L và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/3/2014. Vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con. Vì điều kiện công việc nên anh C không thường xuyên có mặt tại gia đình để nuôi dạy và chăm sóc cháu H nên xét nguyện vọng nuôi con của chị L là hoàn toàn chính đáng. Do vậy cần giao cháu H cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị L xin rút yêu cầu buộc anh C phải đóng góp nuôi con chung. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn C đóng góp nuôi con chung của chị Lô Thị L.

** Về tài sản:*

Chị Lô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

** Về công nợ*:

Chị Lô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn C không đến Tòa án làm bản tự khai nên HĐXX không biết được nội dung yêu cầu của anh C đối với phần con chung, tài sản và công nợ. Giữa chị L và anh C sẽ tự bàn bạc, thỏa thuận. Nếu thỏa thuận không được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[3]. Về án phí: Chị Lô Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lô Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1,5 Điều 177; Điều 178; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; các Điều 271; 273; 278; 280; của BLTTDS năm 2015; các Điều 51; 56; 57; 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1, Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

1. Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn C phải đóng góp tiền nuôi con chung của chị Lô Thị L.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Lô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

3. *Về con:* Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/3/2014 là con chung của vợ chồng cho chị Lô Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn C không phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị Lô Thị L.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

4. *Về án phí:* Buộc chị Lô Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2018/0006502 ngày 04/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lô Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tố Như

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Sơn
- Các đương sự.
- UBND xã Đông A
TAND tỉnh Thanh Hóa.
-Lưu hồ sơ